

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ GIAO THÔNG VÀ TÀI CHÍNH ĐƯỜNG BỘ	
Đ N	Số: 4275
	Ngày: 11/11/2014

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 133/2014/TT-BTC ngày 11/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế, Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 03 thủ tục hành chính về phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính, cụ thể: 03 thủ tục sửa đổi, bổ sung các thủ tục đã được công bố tại Quyết định số 113/QĐ-BTC ngày 15/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/11/2014.

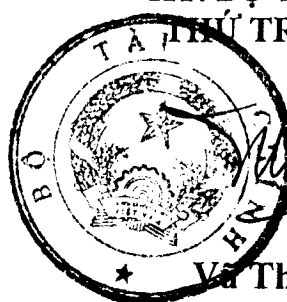
Điều 3. Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Tin học và Thống kê Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Bộ;
- Cục Kiểm soát TTHC (Bộ Tư pháp);
- Như Điều 3;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- UBND, Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Quỹ bảo trì trung ương;
- Cục Đăng kiểm Việt Nam;
- Lưu VT, Vụ CST (P5). 170

KT. BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG



Vũ Thị Mai

BỘ TÀI CHÍNH**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ TÀI CHÍNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2756/QĐ-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	B-BTC-26645-TT	Thu nộp tiền phí sử dụng đường bộ áp dụng đối với xe mô tô	Thông tư số 133/2014/TT-BTC ngày 11/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện	Phí, lệ phí	Ủy ban nhân dân cấp xã và đơn vị liên quan (theo quyết định của UBND cấp tỉnh)
2	B-BTC-26653-TT	Thu nộp tiền phí sử dụng đường bộ áp dụng đối với xe ô tô	Thông tư số 133/2014/TT-BTC ngày 11/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện	Phí, lệ phí	Cơ quan đăng kiểm, Văn phòng Quỹ bảo trì đường bộ trung ương
3	B-BTC-26659-TT	Thủ tục xác định xe thuộc diện không chịu phí, được bù trừ hoặc trả lại tiền phí đã nộp	Thông tư số 133/2014/TT-BTC ngày 11/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện	Phí, lệ phí	Sở Giao thông vận tải, cơ quan đăng kiểm

I. Thủ tục thu nộp tiền phí sử dụng đường bộ áp dụng đối với xe mô tô

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2756/QĐ-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

I. Trình tự thực hiện

- Căn cứ điều kiện thực tế địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là UBND cấp xã) và đơn vị có liên quan là cơ quan thu phí đối với xe mô tô.

+ Trường hợp giao UBND cấp xã thu phí: UBND cấp xã chỉ đạo tổ dân phố, thôn, bản hướng dẫn chủ phương tiện trên địa bàn kê khai phí sử dụng đường bộ theo mẫu tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 133/2014/TT-BTC ngày 11/9/2014 và tổ chức thu phí.

+ Trường hợp giao UBND cấp xã và đơn vị có liên quan thu phí, căn cứ điều kiện thực tế địa phương, UBND cấp tỉnh hướng dẫn, chỉ đạo các đơn vị phối hợp triển khai thu phí đối với xe mô tô.

- Khi thu phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô, cơ quan thu phí lập và cấp biên lai thu phí cho đối tượng nộp phí theo quy định.

- Chủ phương tiện thực hiện kê khai, nộp phí như sau:

+ Thời điểm phát sinh từ ngày 01/01 đến 30/6 hàng năm, chủ phương tiện phải kê khai, nộp phí vào tháng 7 hàng năm (từ ngày 01/7 đến ngày 31/7), cụ thể:

- Xe đăng ký mới thực hiện khai nộp phí, với mức thu phí bằng 1/2 mức thu năm.

- Xe đăng ký lần thứ 2 trở đi (xe này đã được đăng ký trước ngày 01/01 của năm đó), nếu xe đó chưa được nộp phí thì chủ phương tiện phải khai nộp phí với mức thu phí cả năm; nếu đã được nộp thì chủ phương tiện chỉ thực hiện nộp Tờ khai phí và không phải nộp phí năm phát sinh.

+ Thời điểm phát sinh từ 01/7 đến 31/12 hàng năm, thì chủ phương tiện thực hiện khai, nộp phí vào tháng 01 năm sau (chậm nhất ngày 31/01): Đối với xe đăng ký lần đầu và xe đăng ký lần 2 trở đi (đã được nộp phí của năm phát sinh) thì chủ phương tiện không phải nộp phí đối với thời gian còn lại của năm phát sinh. Trường hợp đăng ký từ lần thứ 2 trở đi nhưng xe đó chưa được nộp phí của năm phát sinh thì chủ phương tiện phải thực hiện khai nộp phí bổ sung tiền phí của năm phát sinh, cùng với số phải nộp của năm tiếp theo.

+ Các năm tiếp theo không có biến động tăng, giảm xe, chủ phương tiện thực hiện nộp phí vào tháng 01 hàng năm (chậm nhất 31/01) mức thu phí 12 tháng cho đơn vị thu phí.

II. Cách thức thực hiện: Thực hiện trực tiếp tại: UBND cấp xã hoặc UBND cấp xã và đơn vị liên quan.

III. Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Tờ khai nộp phí sử dụng đường bộ theo mẫu tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 133/2014/TT-BTC.

+ Các giấy tờ để được miễn phí (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

IV. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức và cá nhân.

V. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp xã hoặc UBND cấp xã và đơn vị liên quan.

VI. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Biên lai thu tiền phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô theo mẫu tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 133/2014/TT-BTC (gửi kèm).

VII. Phí, lệ phí: Không

VIII. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Tờ khai phí sử dụng đường bộ theo mẫu tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 133/2014/TT-BTC.

IX. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

X. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012, Nghị định số 56/2014/NĐ-CP ngày 30/5/2014 của Chính phủ về Quỹ bảo trì đường bộ;

- Thông tư số 133/2014/TT-BTC ngày 11/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện./.

Phụ lục số 04

(Ban hành kèm theo Thông tư 133/2014/TT-BTC ngày 11/9/2014 của Bộ Tài Chính)



Mẫu số 02/TKNP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TỜ KHAI PHÍ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ

(áp dụng đối với xe mô tô)

Kỳ tính phí:

Người nộp phí:

Mã số thuế/Số CMND:

Địa chỉ: Quận/huyện:

Tỉnh/thành phố:

Điện thoại:

Đơn vị tiền: Đồng

Số TT	Tên chủ xe	Nhãn hiệu xe	Ngày đăng ký	Dung tích xi lanh	Biển số xe	Mức phí
1						
2						
....						
	Tổng số phí				

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã kê khai./.

Ngày..... tháng..... năm 201...

NGƯỜI NỘP PHÍ

Ký, ghi rõ họ tên

Ghi chú: Tờ khai này áp dụng đối với chủ phương tiện thực hiện khai lần đầu và khai bổ sung khi có phát sinh tăng, giảm phương tiện.

II. Thủ tục thu nộp tiền phí sử dụng đường bộ áp dụng đối với xe ô tô
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2756/QĐ-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

I. Trình tự thực hiện

- Cơ quan đăng kiểm là cơ quan thu phí đối với xe ô tô đăng ký tại Việt Nam (trừ xe của lực lượng công an, quốc phòng). Người nộp phí phải khai Tờ khai phí sử dụng đường bộ và nộp phí cho cơ quan đăng kiểm.

- Văn phòng Quỹ bảo trì đường bộ trung ương là cơ quan thu phí đối với xe ô tô thuộc lực lượng công an, quốc phòng.

+ Định kỳ hàng năm, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an lập dự trù số lượng, chủng loại vé “phí đường bộ toàn quốc” cần sử dụng gửi Văn phòng Quỹ bảo trì đường bộ trung ương (Văn phòng Quỹ).

+ Văn phòng Quỹ thực hiện in và phát hành loại vé “phí đường bộ toàn quốc” áp dụng riêng đối với xe quốc phòng, công an.

+ Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện mua vé “phí đường bộ toàn quốc” tại Văn phòng Quỹ.

II. Cách thức thực hiện: Thực hiện trực tiếp tại cơ quan đăng kiểm và Văn phòng Quỹ bảo trì đường bộ trung ương.

III. Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Tờ khai phí sử dụng đường bộ theo mẫu tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 133/2014/TT-BTC.

+ Các giấy tờ để được miễn phí (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

IV. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức và cá nhân.

V. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan đăng kiểm và Văn phòng Quỹ bảo trì đường bộ Trung ương.

VI. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Biên lai thu phí.

- Tem nộp phí sử dụng đường bộ.

- Vé “phí đường bộ toàn quốc”.

VII. Phí, lệ phí: Không

VIII. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Tờ khai phí sử dụng đường bộ theo mẫu tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 133/2014/TT-BTC.

IX. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

X. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012; Nghị định số 56/2014/NĐ-CP ngày 30/5/2014 của Chính phủ về Quỹ bảo trì đường bộ;

- Thông tư số 133/2014/TT-BTC ngày 11/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện./.

Phụ lục số 03

(Ban hành kèm theo Thông tư 133/2014/TT-BTC ngày 11/9/2014 của Bộ Tài Chính)

Mẫu số 01/TKNP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI PHÍ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ

(áp dụng đối với xe ô tô)

Kỳ tính phí:

Người nộp phí:

Mã số thuế/Số CMND:

Địa chỉ: Quận/huyện:

Tỉnh/thành phố:

Điện thoại:

Đơn vị tiền: Đồng

Số TT	Phương tiện chịu phí	Biển số xe	Thời gian nộp phí	Số phí phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1			
2			
	Tổng số phí phải nộp:		

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã kê khai./.

Ngày..... tháng.... năm 201..

NGƯỜI NỘP PHÍ

đóng dấu (nếu có), ký và
ghi rõ họ tên

**III. Thủ tục xác định xe thuộc diện không chịu phí,
được trả lại hoặc bù trừ tiền phí đã nộp**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2756/QĐ-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

I. Trình tự thực hiện

1. Xe ô tô (trừ xe ô tô của lực lượng quốc phòng và công an) trong các trường hợp sau đây đã nộp phí sử dụng đường bộ thì chủ phương tiện được trả lại phí đã nộp hoặc trừ vào số phí phải nộp kỳ sau:

- a) Bị hủy hoại do tai nạn hoặc thiên tai;
- b) Bị tịch thu hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe;
- c) Bị tai nạn đến mức không thể tiếp tục lưu hành phải sửa chữa từ 30 ngày trở lên;
- d) Xe kinh doanh vận tải thuộc các hợp tác xã, doanh nghiệp kinh doanh vận tải tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên;
- đ) Xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ, chỉ sử dụng trong phạm vi đất thuộc quản lý của doanh nghiệp, hợp tác xã như: nhà ga, cảng, khu khai thác khoáng sản, nông, lâm nghiệp và xe ô tô dùng để sát hạch của tổ chức đào tạo dạy nghề lái xe.

2. Hồ sơ xác định xe ngừng hoạt động và xe không tham gia giao thông (điểm d và đ nêu trên) được nộp tại Sở Giao thông vận tải. Sở Giao thông vận tải kiểm tra hồ sơ: Trường hợp chưa đủ điều kiện thì ra Thông báo trả lại doanh nghiệp để hoàn thiện lại hồ sơ. Trường hợp đủ điều kiện, Sở Giao thông vận tải ký xác nhận vào Đơn xin tạm dừng lưu hành, đồng thời lập Biên bản tạm giữ Phù hiệu, Biển hiệu (nếu có).

3. Hồ sơ đối với các trường hợp a, b, c điểm 1 nêu trên và hồ sơ bù trừ hoặc trả phí được nộp tại cơ quan đăng kiểm. Khi tiếp nhận hồ sơ cơ quan đăng kiểm đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi thời gian nhận hồ sơ, ghi nhận các tài liệu trong hồ sơ.

II. Cách thức thực hiện

Thực hiện trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải và cơ quan đăng kiểm.

III. Thành phần, số lượng hồ sơ

1. Thành phần hồ sơ nộp tại Sở Giao thông vận tải

- a) Trường hợp xe ngừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên
 - Đơn xin tạm dừng lưu hành theo mẫu tại Phụ lục số 09 ban hành kèm theo Thông tư số 133/2014/TT-BTC;
 - Giấy phép kinh doanh vận tải bằng ô tô (bản sao).
- b) Trường hợp xe không tham gia giao thông trên hệ thống đường bộ

- Đơn đề nghị xác nhận xe ô tô không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ, chỉ sử dụng trong phạm vi đất thuộc quản lý của doanh nghiệp, hợp tác xã và xe dùng để sát hạch thuộc sở hữu của các doanh nghiệp theo mẫu tại Phụ lục số 17 ban hành kèm theo Thông tư số 133/2014/TT-BTC;

- Bản sao giấy đăng ký kinh doanh;

- Bản sao giấy đăng ký xe (của từng xe đề nghị).

2. Thành phần hồ sơ nộp tại cơ quan đăng kiểm, bao gồm:

a) Trường hợp xe ngừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên

Đơn xin nghỉ lưu hành bản chính (có xác nhận của Sở Giao thông vận tải); Biên bản tạm giữ Phù hiệu, Biển hiệu (nếu có); biên lai thu phí sử dụng đường bộ (bản sao).

b) Trường hợp xe không tham gia giao thông trên hệ thống đường bộ: Đơn đề nghị (có xác nhận của Sở Giao thông vận tải).

c) Trường hợp xe bị hủy hoại do tai nạn hoặc thiên tai; bị tịch thu; bị tai nạn đến mức không thể tiếp tục lưu hành phải sửa chữa từ 30 ngày trở lên;

- Giấy đề nghị trả phí theo mẫu tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 133/2014/TT-BTC;

- Bản phô tô (không cần công chứng, chứng thực) giấy tờ chứng minh thời gian không được sử dụng phương tiện (như: Quyết định tịch thu hoặc tạm giữ xe của cơ quan có thẩm quyền, văn bản thu hồi giấy đăng ký và biển số xe);

- Bản phô tô biên lai thu phí (không cần công chứng, chứng thực);

- Riêng đối với xe ô tô bị tai nạn đến mức không thể tiếp tục lưu hành phải sửa chữa từ 30 ngày trở lên thì ngoài các giấy tờ nêu trên, chủ phương tiện còn phải cung cấp Biên bản thu Tem kiểm định và Giấy chứng nhận kiểm định theo mẫu tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 133/2014/TT-BTC.

3. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

IV. Thời gian giải quyết

1. Tại Sở Giao thông vận tải

a) Trường hợp xe ngừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên

- Trường hợp chưa đủ điều kiện thì ra Thông báo theo mẫu tại Phụ lục số 10 ban hành kèm theo Thông tư số 133/2014/TT-BTC trả lại doanh nghiệp để hoàn thiện lại hồ sơ. Thời gian thực hiện 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn;

- Trường hợp đủ điều kiện, Sở Giao thông vận tải ký xác nhận vào Đơn xin tạm dừng lưu hành, đồng thời lập Biên bản tạm giữ Phù hiệu, Biển hiệu

(nếu có) theo mẫu tại Phụ lục số 11 kèm theo Thông tư số 133/2014/TT-BTC; thời gian thực hiện 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn.

b) Trường hợp xe không tham gia giao thông trên hệ thống đường bộ

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, Sở Giao thông vận tải thông báo cho doanh nghiệp bổ sung hồ sơ chậm nhất trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện xem xét, Sở Giao thông vận tải tiến hành kiểm tra thực tế doanh nghiệp và xác nhận vào Đơn đề nghị nếu các phương tiện đủ điều kiện theo nội dung kê khai của doanh nghiệp, thời gian thực hiện chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ. Trường hợp kết quả kiểm tra không đúng với đơn đề nghị, doanh nghiệp có trách nhiệm hoàn thiện lại hồ sơ, để Sở Giao thông vận tải xác nhận.

2. Tại cơ quan đăng kiểm

a) Trường hợp xe ngừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên

- Trường hợp hồ sơ chưa phù hợp thì ra Thông báo theo mẫu tại Phụ lục số 10 ban hành kèm theo Thông tư số 133/2014/TT-BTC trả lại doanh nghiệp để hoàn thiện lại hồ sơ. Thời gian thực hiện 02 ngày làm việc.

Nếu doanh nghiệp tiếp tục đề nghị thì phải hoàn thiện hồ sơ gửi lại cơ quan đăng kiểm trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được thông báo.

- Trường hợp đủ điều kiện thì lập Biên bản thu Tem nộp phí sử dụng đường bộ theo mẫu tại Phụ lục số 12 kèm theo Thông tư số 133/2014/TT-BTC. Thời gian thực hiện 02 ngày làm việc.

b) Trường hợp xe không tham gia giao thông trên hệ thống đường bộ

Cơ quan đăng kiểm kiểm tra, đối chiếu với Đơn đề nghị có dấu xác nhận của Sở Giao thông vận tải, nếu phù hợp sẽ không thu phí sử dụng đường bộ đối với các xe này kể từ ngày Sở Giao thông vận tải xác nhận.

c) Trường hợp xe bị hủy hoại do tai nạn hoặc thiên tai; bị tịch thu hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe; bị tai nạn đến mức không thể tiếp tục lưu hành phải sửa chữa từ 30 ngày trở lên.

Trường hợp hồ sơ trả phí chưa đầy đủ, chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan đăng kiểm phải thông báo cho người nộp hồ sơ để hoàn chỉnh.

Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ đề nghị trả phí, căn cứ hồ sơ đề nghị trả phí của chủ phương tiện, thủ trưởng cơ quan đăng kiểm ra Quyết định trả phí.

V. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức và cá nhân.

VI. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan đăng kiểm, Sở Giao thông vận tải.

VII. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định trả phí theo mẫu tại Phụ lục số 07, Thông báo về việc không được trả phí theo mẫu tại Phụ lục số 08, Thông báo về việc không đủ điều kiện đăng ký tạm dừng lưu hành theo mẫu tại Phụ lục số 10 và Thông báo chưa đủ điều kiện xét thuộc diện không chịu phí theo mẫu tại Phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư số 133/2014/TT-BTC.

VIII. Phí, lệ phí: Không.

IX. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Giấy đề nghị trả phí theo mẫu tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 133/2014/TT-BTC;

- Đơn xin nghỉ lưu hành theo mẫu tại Phụ lục số 09 ban hành kèm theo Thông tư số 133/2014/TT-BTC;

- Đơn đề nghị cấp lại tem nộp phí sử dụng đường bộ theo mẫu tại Phụ lục số 13 ban hành kèm theo Thông tư số 133/2014/TT-BTC;

- Đơn đề nghị trả lại phù hiệu, biển hiệu theo mẫu tại Phụ lục số 15 ban hành kèm theo Thông tư số 133/2014/TT-BTC;

- Đơn xin xác nhận xe ô tô dùng để sát hạch; xe không tham gia giao thông, chỉ sử dụng trong phạm vi cảng, nhà ga, khu khai thác khoáng sản, khu khai thác lâm nghiệp theo mẫu tại Phụ lục số 17 ban hành kèm theo Thông tư số 133/2014/TT-BTC;

X. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

XI. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012; Nghị định số 56/2014/NĐ-CP ngày 30/5/2014 của Chính phủ về Quỹ bảo trì đường bộ.

- Thông tư số 133/2014/TT-BTC ngày 11/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện./.

Phụ lục số 05

(Ban hành kèm theo Thông tư 133/2014/TT-BTC ngày 11/9/2014 của Bộ Tài Chính)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm 201...

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Trả lại/bù trừ phí sử dụng đường bộ

Kính gửi:(tên cơ quan trả phí).....

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị trả/bù trừ phí

Tên tổ chức, cá nhân

Số CMND/Hộ chiếu:

Địa chỉ :.....Quận/huyện:Tỉnh/thành phố:

Điện thoại:

II. Nội dung đề nghị trả lại/bù trừ phí sử dụng đường bộ

1. Thông tin về khoản phí đề nghị trả lại/bù trừ:

- Phương tiện đã nộp phí:(loại xe, biển số xe).....

- Thời gian đã nộp phí: Từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....

- Số tiền phí đã nộp:.....

- Số tiền phí đề nghị trả lại/bù trừ:.....

- Lý do đề nghị trả lại/bù trừ:.....

2. Hình thức đề nghị trả phí

2.1. Bù trừ:

2.2. Trả lại tiền phí:

- Trả lại bằng: Tiền mặt: Chuyển khoản:

- Chuyển tiền vào tài khoản số: tại ngân hàng.....

(hoặc) Người nhận tiền: Số CMND/HC: cấp ngày tại..

III. Tài liệu gửi kèm (ghi rõ tên tài liệu, bản chính, bản sao)

1.....

2

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ
và đóng dấu (nếu có)

Phụ lục số 09

(Ban hành kèm theo Thông tư 133/2014/TT-BTC ngày 11/9/2014 của Bộ Tài Chính)

TÊN ĐƠN VỊ ...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm 201..

ĐƠN XIN NGHỈ LƯU HÀNH

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tên.... *doanh nghiệp, hợp tác xã*

Số ĐKKD: cấp ngày:.....

Địa chỉ cơ quan:.....

Đề nghị Sở Giao thông vận tải xem xét, chấp thuận và thực hiện tạm giữ phù hiệu, biển hiệu làm cơ sở cho... (*Tên doanh nghiệp, hợp tác xã*)... để làm căn cứ xác định thuộc diện không chịu phí sử dụng đường bộ đối với các phương tiện nêu dưới đây:

Số TT	Loại xe	Biển số xe	Số phù hiệu, biển hiệu (nếu có)	Thời gian dự kiến tạm dừng hoạt động
1				Từ ngày đến ngày ...
2				

Sở Giao thông vận tải tỉnh..... xác nhận các xe nêu trên chính thức nghỉ lưu hành kể từ ngày....tháng....năm.....

Đơn này được lập thành 03 bản, 02 bản giao cho chủ phương tiện (01 bản lưu, 01 bản để kèm hồ sơ gửi cơ quan đăng kiểm làm thủ tục xác định xe dừng sử dụng), 01 bản lưu tại Sở Giao thông vận tải.

LÃNH ĐẠO SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục số 13

(Ban hành kèm theo Thông tư 133/2014/TT-BTC ngày 11/9/2014 của Bộ Tài Chính)

TÊN ĐƠN VỊ ...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp lại tem nộp phí sử dụng đường bộ

Kính gửi: Cơ quan đăng kiểm xe cơ giới.....

Tên tôi là:, đại diện cho ...(doanh nghiệp, hợp tác xã).....

Số CMND cấp ngày cấp tại:.....

Địa chỉ (theo hộ khẩu thường trú).....

Ngày.../.../201..., tôi đã có Đơn và đã nộp tem nộp phí sử dụng đường bộ để làm căn cứ xác định thời gian tạm dừng hoạt động của các phương tiện. Nay đề nghị được cấp lại Tem nộp phí sử dụng đường bộ cho các phương tiện sau đây để được tiếp tục lưu hành, bao gồm:

Số TT	Loại xe	Biển số xe	Ghi chú
1			
2			

Đơn đề nghị này được lập thành 02 bản, 01 bản giao cho chủ phương tiện, 01 bản lưu tại cơ quan đăng kiểm.

DN/HTX KD VẬN TẢI
(Ký tên và đóng dấu)

NHÂN VIÊN ĐƠN VỊ
ĐĂNG KIỂM
(Ký và ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
ĐĂNG KIỂM
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 15

(Ban hành kèm theo Thông tư 133/2014/TT-BTC ngày 11/9/2014 của Bộ Tài Chính)

TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng .. năm 201..

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Trả lại phù hiệu, biển hiệu

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tên tôi là:.....

Số CMND..... cấp tại..... cấp ngày:.....

Đại diện cho:.....

Giấy giới thiệu số:.....

Ngày.../.../201.. , tôi đã có Đơn và đã nộp phù hiệu, biển hiệu để làm căn cứ xác định thời gian tạm dừng hoạt động của các phương tiện. Nay tôi là đơn này đề nghị quý Sở xem xét trả lại phù hiệu, biển hiệu cho các phương tiện sau đây để được tiếp tục lưu hành, bao gồm:

Số TT	Loại xe	Biển số xe	Đơn vị cấp	Số phù hiệu, biển hiệu

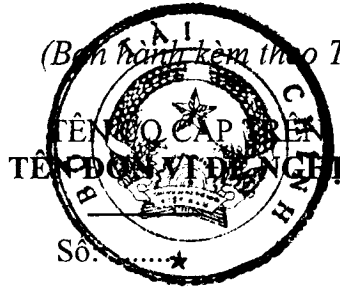
Tôi xin cảm ơn!

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục số 17

(Ban hành kèm theo Thông tư 133/2014/TT-BTC ngày 11/9/2014 của Bộ Tài Chính)



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 201..

ĐƠN XIN XÁC NHẬN

Xe ô tô dùng để sát hạch; xe không tham gia giao thông, chỉ sử dụng trong phạm vi đất thuộc quản lý của doanh nghiệp, hợp tác xã

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tên cơ quan đề nghị.....

Số ĐKKD: cấp ngày:.....

Địa chỉ:.....

1. Đề nghị của đơn vị

Đề nghị Sở Giao thông vận tải kiểm tra và xác nhận phương tiện thuộc sở hữu của doanh nghiệp chúng tôi là xe dùng để sát hạch lái xe/xe không tham gia giao thông, chỉ sử dụng trong phạm vi đất thuộc quản lý của doanh nghiệp/hợp tác xã, để làm căn cứ xác định thuộc diện không chịu phí sử dụng đường bộ đối với các phương tiện nêu dưới đây:

Số TT	Loại xe	Biển số xe	Tuyến đường/khu vực hoạt động
1	<i>Ví dụ: Xe tải</i>	<i>14M-1234</i>	<i>Mỏ Than Mông Dương</i>
2			

2. Xác nhận của Sở Giao thông vận tải

Sở Giao thông vận tải đã kiểm tra và xác nhận các phương tiện nêu trên là các xe dùng để sát hạch lái xe/xe không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống đường bộ, chỉ sử dụng trong phạm vi đất thuộc quản lý của doanh nghiệp, hợp tác xã.

Đơn này được lập thành 03 bản, 02 bản giao cho chủ phương tiện (01 bản lưu, 01 bản để kèm hồ sơ gửi cơ quan đăng kiểm làm thủ tục xác định xe dùng sử dụng), 01 bản lưu tại Sở Giao thông vận tải.

....., ngàytháng.....năm.....

LÃNH ĐẠO SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)